

Đồng Nai, ngày 30 tháng 9 năm 2026

Số: 922 /QĐ-SYT

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với
Phòng khám đa khoa Sài Gòn Long Khánh thuộc Công ty TNHH Phòng
khám đa khoa Sài Gòn – Long Khánh**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

*Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;*

*Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ
Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;*

*Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Bộ
Y tế về việc ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;*

*Căn cứ Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của
Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai ban hành Quy định về chức năng, nhiệm
vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Đồng Nai;*

*Căn cứ Quyết định số 524/QĐ-SYT ngày 30 tháng 7 năm 2026 của Giám
đốc Sở Y tế về việc thành lập Đoàn thẩm định cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép
hoạt động đối với phòng khám đa khoa; cấp mới, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy
phép hoạt động đối với phòng khám chuyên khoa;*

*Căn cứ Biên bản thẩm định điều chỉnh Giấy phép hoạt động (bổ sung danh
mục kỹ thuật chuyên môn) đối với Phòng khám đa khoa thuộc Phòng khám đa khoa
Sài Gòn Long Khánh thuộc Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Sài Gòn – Long
Khánh ngày 14 tháng 9 năm 2026 của Đoàn thẩm định Sở Y tế và Báo cáo khắc
phục ngày 21 tháng 9 năm 2026 của Phòng khám đa khoa thuộc Phòng khám đa
khoa Sài Gòn Long Khánh thuộc Công ty TNHH Phòng khám đa khoa Sài Gòn –
Long Khánh;*

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với
Phòng khám đa khoa Sài Gòn Long Khánh thuộc Công ty TNHH Phòng khám đa
khoa Sài Gòn – Long Khánh (Số 1510/ĐNAI-GPHĐ), cụ thể như sau:

1. Địa chỉ hoạt động sau điều chỉnh: Số 57 Nguyễn Thị Minh Khai, khu phố 5, phường Long Khánh, thành phố Đồng Nai;

2. Thời gian hoạt động sau điều chỉnh: 07 giờ 00 - 11 giờ 30, 13 giờ 30 - 17 giờ 00 từ Thứ Hai đến Chủ Nhật;

3. Quy mô hoạt động, phạm vi hoạt động chuyên môn của cơ sở: Nội khoa, Ngoại khoa, Nhi khoa, Y học cổ truyền, bộ phận Xét nghiệm và bộ phận Chẩn đoán hình ảnh (Siêu âm, X-Quang);

4. Phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật chuyên môn: thêm 46 kỹ thuật chuyên môn trong khám bệnh, chữa bệnh theo Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

(Danh mục kỹ thuật phê duyệt bổ sung đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật phải đảm bảo về cơ sở vật chất, thiết bị y tế và nhân lực có trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện danh mục kỹ thuật được phê duyệt theo đúng các quy định chuyên môn và quy trình kỹ thuật của Bộ Y tế ban hành để bảo đảm an toàn sức khỏe cho người bệnh.

- Danh mục kỹ thuật chuyên môn được phê duyệt là căn cứ pháp lý cho việc thực hiện kỹ thuật, chuyển người bệnh giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Nghiệp vụ; Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật của cơ sở quy định tại Điều 1; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục QLKCB - BHYT (để báo cáo);
- BGĐ Sở Y tế (để báo cáo);
- BHXH thành phố;
- UBND phường Long Khánh;
- Website Sở Y tế;
- Lưu VT, NV.

(BS Lâm)



GIÁM ĐỐC

Đỗ Thị Nguyên

**DANH MỤC KỸ THUẬT CHUYÊN MÔN BỔ SUNG
THỰC HIỆN TẠI PHÒNG KHÁM ĐA KHOA SÀI GÒN LONG KHÁNH
THUỘC CÔNG TY TNHH PHÒNG KHÁM ĐA KHOA SÀI GÒN – LONG
KHÁNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày / /2026 của
Giám đốc Sở Y tế thành phố Đồng Nai)*

STT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
1	2.381	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp gối
2	2.383	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp cổ chân
3	2.384	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp bàn ngón chân
4	2.385	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp cổ tay
5	2.386	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp bàn ngón tay
6	2.387	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp đốt ngón tay
7	2.388	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp khuỷu tay
8	2.392	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp đòn - cùng vai
9	2.396	02. NỘI KHOA	Tiêm điểm bám gân môm trâm quay (môm trâm trụ)
10	2.397	02. NỘI KHOA	Tiêm điểm bám gân lõi cầu trong (lõi cầu ngoài) xương
11	2.398	02. NỘI KHOA	Tiêm điểm bám gân quanh khớp gối
12	2.399	02. NỘI KHOA	Tiêm hội chứng DeQuervain
13	2.400	02. NỘI KHOA	Tiêm hội chứng đường hầm cổ tay
14	2.401	02. NỘI KHOA	Tiêm gân gấp ngón tay
15	2.402	02. NỘI KHOA	Tiêm gân nhị đầu khớp vai
16	2.403	02. NỘI KHOA	Tiêm gân trên gai (dưới gai, gân bao xoay khớp vai)
17	2.404	02. NỘI KHOA	Tiêm điểm bám gân môm cùng vai
18	2.405	02. NỘI KHOA	Tiêm điểm bám gân môm trâm quay (trâm trụ)
19	2.406	02. NỘI KHOA	Tiêm gân gót
20	2.407	02. NỘI KHOA	Tiêm cân gan chân
21	21.40	21. THĂM DÒ CHỨC NĂNG	Ghi điện não đồ thông thường
22	22.135	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Xét nghiệm hồng cầu lưới (bằng máy đếm laser)
23	23.18	23. HÓA SINH	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine) [Máu]
24	23.24	23. HÓA SINH	Định lượng bhCG (Beta human Chorionic
25	23.32	23. HÓA SINH	Định lượng CA 125 (cancer antigen 125)

STT	Mã kỹ thuật	Tên chương	Tên kỹ thuật
			[Máu]
26	23.33	23. HÓA SINH	[Máu]
27	23.34	23. HÓA SINH	Định lượng CA 15-3 (Cancer Antigen 15-3) [Máu]
28	23.35	23. HÓA SINH	Định lượng CA 72-4 (Cancer Antigen 72-4) [Máu]
29	23.39	23. HÓA SINH	Định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen) [Máu]
30	23.42	23. HÓA SINH	Đo hoạt độ CK (Creatine kinase) [Máu]
31	23.43	23. HÓA SINH	Đo hoạt độ CK-MB ((Isozym MB of Creatine kinase)
32	23.52	23. HÓA SINH	Định lượng Cyfra 21-1 [Máu]
33	23.81	23. HÓA SINH	Định lượng HBsAg (HBsAg Quantitative) (
34	23.121	23. HÓA SINH	Định lượng proBNP (NT-proBNP) [Máu]
35	23.138	23. HÓA SINH	Định lượng PSA tự do (Free prostate-Specific Antigen)
36	23.139	23. HÓA SINH	Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific
37	23.142	23. HÓA SINH	Định lượng RF (Rheumatoid Factor) [Máu]
38	23.154	23. HÓA SINH	Định lượng Tg (Thyroglobulin) [Máu]
39	23.156	23. HÓA SINH	Định lượng TRAb (TSH Receptor Antibodies) [Máu]
40	23.159	23. HÓA SINH	Định lượng Troponin T [Máu]
41	23.161	23. HÓA SINH	Định lượng Troponin I [Máu]
42	23.228	23. HÓA SINH	Định lượng CRP (C-Reactive Protein)
43	23.244	23. HÓA SINH	Phản ứng CRP
44	BS 23.283	23. HÓA SINH	CRP (C-Reactive Protein)
45	24.121	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HBsAg định lượng
46	24.124	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HBsAb định lượng

** Tổng số kỹ thuật chuyên môn được phê duyệt: 46 kỹ thuật.*